

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về thông qua một số chính sách thực hiện Đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua một số chính sách thực hiện Đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua một số chính sách thực hiện Đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng; Chánh, Phó chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện; Giám đốc Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện; Chủ tịch UBND các xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban Đảng, UBKT, Văn phòng HU;
- UBMT Tổ quốc, các đoàn thể cấp huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã (sao gửi, phổ biến cho các thôn);
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NN./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hải

QUY ĐỊNH**Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về thông qua một số chính sách thực hiện Đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2023**

(Kèm theo Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện Kỳ Anh)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng, nguyên tắc thực hiện, nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Thực hiện theo các Điều, Khoản quy định tại Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về thông qua một số chính sách thực hiện Đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2023.

Điều 2. Xây dựng kế hoạch và dự toán

Hàng năm, căn cứ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các nội dung, mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 105/NQ-HĐND của HĐND huyện; các phòng, ban, ngành cấp huyện liên quan, UBND cấp xã, các tổ chức triển khai thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán như sau:

1. UBND cấp xã:

Xây dựng kế hoạch hạng mục và dự toán kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn trước ngày 30/11 hàng năm (cụ thể về địa điểm, số lượng mô hình, kinh phí đề nghị hỗ trợ,...).

2. Phòng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức rà soát, tổng hợp kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán thu chi ngân sách hàng năm.

Chương II**QUY TRÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ****Điều 3.** Quy trình thực hiện hỗ trợ

1. Các tổ chức, cá nhân căn cứ nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND của HĐND huyện đăng ký xây dựng mô hình với UBND cấp xã; khi thực hiện hoàn thành làm đơn đề nghị UBND cấp xã nghiệm thu (kèm theo hồ sơ); UBND cấp xã tổ chức nghiệm thu, đánh giá tổng hợp và lập Tờ trình gửi UBND

huyện đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu cấp xã đối với các mô hình và cấp kinh phí; UBND xã chịu trách nhiệm trước UBND huyện về kết quả nghiệm thu của mình; đến thời hạn quy định, UBND xã không nộp hồ sơ cho huyện thì không được tổ chức nghiệm thu và hỗ trợ.

2. Thời gian và thủ tục tiếp nhận hồ sơ: Được chia thành 02 đợt/năm.

Đợt 1: trước ngày 10/5 hàng năm;

Đợt 2: trước ngày 10/11 hàng năm.

Riêng các mô hình có tính thời vụ thì nhận hồ sơ và tổ chức nghiệm thu linh hoạt sau khi hoàn thành.

UBND cấp xã nộp 01 bộ hồ sơ về huyện (*qua Phòng Nông nghiệp &PTNT*) gồm: Tờ trình đề nghị, bảng tổng hợp đối tượng, nội dung, địa điểm, kinh phí thực hiện và các hồ sơ chi tiết các hạng mục đề nghị hỗ trợ liên quan.

3. Hàng năm, Phòng Nông nghiệp &PTNT chủ trì tham mưu UBND huyện thành lập Đoàn công tác tiến hành rà soát mô hình các xã đăng ký; hướng dẫn, xây dựng có hiệu quả các mô hình và kiểm tra, nghiệm thu các mô hình xã đã nghiệm thu; Đoàn công tác của huyện tổng hợp, Phòng Nông nghiệp &PTNT tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng, kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định, căn cứ Quyết định phê duyệt Phòng Tài chính – Kế hoạch chịu trách nhiệm cấp kinh phí thực hiện.

4. Thực hiện quyết toán hỗ trợ: Hàng năm, UBND các xã quyết toán kinh phí hỗ trợ vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

5. Kiểm tra, thanh tra: các đơn vị có chức năng nhiệm vụ thực hiện thanh tra, kiểm tra về kết quả thực hiện nếu cần thiết.

Chương III

ĐIỀU KIẾN, HỒ SƠ THỦ TỤC

Điều 4. Hỗ trợ sản xuất lúa

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.1, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “*a. Tổ chức, cá nhân sản xuất lúa hàng hóa, sử dụng cùng một giống xác nhận 1 trở lên, có quy mô tối thiểu 10 ha liền vùng, được cơ quan chuyên môn cấp huyện thẩm định phương án, được hỗ trợ 40% tiền mua giống, tối đa 1.200.000 đồng/ha.*

b. Tổ chức, cá nhân thực hiện phá ô thửa nhỏ hình thành ô thửa lớn, sản xuất lúa cánh đồng lớn sử dụng một giống, quy mô tối thiểu 5 ha liền vùng và diện tích trung bình tối thiểu 0,3 ha/thửa, có phương án được cơ quan có thẩm quyền cấp

huyện phê duyệt, được hỗ trợ kinh phí phá bỏ bờ thửa, di dời các vật cản, cải tạo làm phẳng mặt ruộng, mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; riêng đối với cánh đồng áp dụng giống mới được hỗ trợ thêm 50% chi phí mua giống mới, mức hỗ trợ tối đa 1.500.000 đồng/ha (thực hiện theo quy định tại Nghị định 62/2019/NĐ-CP) và 30% kinh phí mua phân bón tổng hợp NPK chuyên dùng cho cây lúa, phân hữu cơ vi sinh cải tạo đất, tối đa 2.000.000 đồng/ha”.

Hàng vụ, UBND xã xây dựng phương án vùng sản xuất lúa (theo hướng dẫn của Phòng Nông nghiệp&PTNT), gửi Phòng Nông nghiệp&PTNT thẩm định và UBND xã phê duyệt (đối với điểm a, Khoản 4.1, Điều 4) hoặc UBND huyện phê duyệt (đối với điểm b, Khoản 4.1, Điều 4) trước khi triển khai thực hiện mô hình 30 ngày.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

2.1. Cánh đồng một giống lúa:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Phương án sản xuất;
- Báo cáo thẩm định phương án của Phòng NN&PTNT;
- Quyết định phê duyệt phương án của UBND xã;
- Sơ đồ vùng sản xuất có xác nhận của UBND xã;
- Hồ sơ giống lúa: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận, hóa đơn tài chính (bản phô tô công chứng), kiểm nghiệm chất lượng;
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

2.2. Phá ô thửa nhỏ hình thành ô thửa lớn:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Phương án sản xuất;
- Báo cáo thẩm định phương án của Phòng NN&PTNT;
- Quyết định phê duyệt phương án của UBND huyện;
- Sơ đồ vùng sản xuất có xác nhận của UBND xã;
- Đối với trường hợp thuê máy: Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng thực hiện phá bỏ bờ thửa, cải tạo, di dời các vật cản trên đồng ruộng và các hồ sơ tài chính khác (nếu có), biên bản di dời mộ (nếu có). Đối với trường hợp các hộ dân tự cải tạo: lập danh sách chi tiết khối lượng ngày công đến tận hộ, có chữ ký của các hộ, thôn trưởng và xác nhận của UBND xã;

- Hồ sơ giống lúa: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận, hóa đơn tài chính (bản phô tô công chứng), kiểm nghiệm chất lượng;

- Hồ sơ phân bón: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận, hóa đơn tài chính (bản phô tô công chứng), kiểm nghiệm chất lượng;

- Danh sách cấp phát giống, phân bón có ký nhận của hộ dân và xác nhận của UBND xã;

- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;

- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản công nghiệp

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.2, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: *“Tổ chức, cá nhân trồng sản công nghiệp liên kết với nhà máy chế biến tinh bột sản trên địa bàn huyện (liên kết khâu giống và tiêu thụ sản phẩm), quy mô tối thiểu 01 ha liền vùng trở lên, được hỗ trợ 40% kinh phí mua phân bón tổng hợp NPK chuyên dùng cho cây trồng cạn, mức tối đa 2.000.000 đồng/ha”*.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;

- Hợp đồng liên kết khâu giống và tiêu thụ sản giữa tổ chức, cá nhân với nhà máy chế biến tinh bột sản có xác nhận của UBND xã;

- Danh sách cấp phát giống có ký nhận của hộ dân, có xác nhận của nhà máy và UBND xã;

- Trường hợp mua phân bón thông qua tổ chức xã đại diện: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận, hóa đơn tài chính (bản phô tô công chứng), kiểm nghiệm chất lượng, danh sách cấp phát phân bón có ký nhận của hộ dân. Trường hợp cá nhân tự liên hệ mua phân bón: Hóa đơn tài chính (bản phô tô công chứng);

- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;

- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển cây ăn quả

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.3, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: *“Tổ chức, cá nhân đầu tư trồng cây ăn quả trong các loại: Cam, chanh, bưởi Da Xanh, bưởi Diễn, bưởi Phúc Trạch, chanh leo (có liên kết tiêu thụ*

sản phẩm), na, nhãn, thanh long, mít, táo, ổi; có diện tích liền vùng tối thiểu 0,3 ha và trồng tối đa 2 loại cây; được cơ quan chuyên môn cấp huyện thẩm định phương án, được hỗ trợ kinh phí cải tạo đất, mua cây giống, mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha, tối đa 60.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân”.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Phương án sản xuất (gửi về Phòng NN&PTNT trước khi thực hiện mô hình 20 ngày);
- Báo cáo thẩm định phương án của Phòng NN&PTNT;
- Quyết định phê duyệt phương án của UBND xã;
- Hồ sơ giống cây: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính, hồ sơ nguồn gốc, chất lượng giống;
- Hồ sơ cải tạo đất: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng (thuê cá máy), chứng từ chứng minh chi phí thực hiện;
- Riêng đối với cây chanh leo: Hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với nhà máy chế biến hoặc cơ sở chuyên thu mua, kinh doanh chanh leo;
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 7. Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.3, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “*a. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ trồng trong nhà lưới, nhà màng, trồng thủy canh theo thiết kế định hình của ngành chuyên môn, có diện tích tối thiểu 500 m², được cơ quan chuyên môn cấp huyện thẩm định phương án, được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lưới, nhà màng, mức hỗ trợ 150.000 đồng/m², tối đa 150.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.*

b. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất các cây có tính chất đặc thù vùng miền như: Sắn dây, khoai vạc, khoai tì, nghệ, gừng, kiệu; có diện tích liền vùng tối thiểu 0,3 ha, có phương án sản xuất được UBND xã xác nhận, được hỗ trợ kinh phí cải tạo đất, mua phân bón, với mức 30.000.000 đồng/ha, tối đa 60.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân”.

Nhà lưới được thực hiện theo thiết kế định hình của Sở Nông nghiệp&PTNT ban hành tại Văn bản số 1435/ SNN-TTBVT ngày 21/7/2017.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

2.1. Xây dựng nhà lưới sản xuất rau, củ, quả:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng nhà lưới, chứng từ xác định vật liệu, chi phí (trường hợp thuê ngoài); Bảng kê vật liệu, chi phí xây dựng nhà lưới kèm theo hồ sơ, hóa đơn tài chính (nếu có) (trường hợp tự xây dựng);
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

2.2. Sản xuất cây có tính chất đặc thù theo vùng miền:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Phương án sản xuất;
- Báo cáo thẩm định phương án của Phòng NN&PTNT;
- Quyết định phê duyệt phương án của UBND xã;
- Hóa đơn tài chính mua phân bón (nếu có);
- Hồ sơ cải tạo đất: Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng (thuê cá máy), chứng từ chứng minh chi phí thực hiện;
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 8: Hỗ trợ chăn nuôi lợn

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.4, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “*a. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn thương phẩm quy mô ổn định từ 50 đến dưới 200 con, xây dựng mới chuồng trại đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường và áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn dịch bệnh, được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại: Quy mô từ 50 con đến 100 con hỗ trợ 20.000.000 đồng; từ 100 con trở lên hỗ trợ 200.000 đồng/con, tối đa 40.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.*

b. Tổ chức, cá nhân nuôi lợn nái cấp bố mẹ có quy mô ổn định từ 10 con đến 20 con, xây dựng mới chuồng trại đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường và áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn dịch bệnh, được hỗ trợ kinh phí mua lợn giống với mức 3.000.000 đồng/con, tối đa 45.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.”

2. Điều kiện hỗ trợ:

Có chuồng trại xây dựng mới đảm bảo (chưa được hỗ trợ), diện tích tối thiểu 1,2 - 1,4m²/con, cách xa khu dân cư tối thiểu 200m, trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 300 m; có hệ thống xử lý chất thải bằng hầm hoặc bể Biogas tối thiểu 0,7 -

1 m³/con; có hồ sát trùng tiêu độc; lợn được tiêm phòng các loại vắc xin theo quy định.

3. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

3.1. Chăn nuôi lợn thương phẩm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Dự toán xây chuồng trại, hợp đồng xây dựng chuồng trại có xác nhận của UBND xã, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua bán vật tư lắp đặt các thiết bị chăn nuôi (nếu có);
- Biên bản thả lợn giống có xác nhận của UBND xã;
- Giấy chứng nhận tiêm vắc xin định kỳ gần nhất;
- Kế hoạch bảo vệ môi trường (trường hợp 100 con trở lên);
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

3.2. Chăn nuôi lợn nái:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Dự toán xây chuồng trại, hợp đồng xây dựng chuồng trại có xác nhận của UBND xã, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua bán vật tư lắp đặt các thiết bị chăn nuôi (nếu có);
- Biên bản thả lợn giống có đại diện của UBND cấp xã;
- Hồ sơ lý lịch giống nái cấp bố mẹ, giấy chứng nhận tiêm phòng, trường hợp mua ngoại tỉnh phải có hồ sơ kiểm dịch; Hồ sơ mua con giống (hóa đơn mua giống nái hậu bị, hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua giống);
- Kế hoạch bảo vệ môi trường (trường hợp 100 con trở lên);
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 9. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò, cải tạo giống bò

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.5, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “a. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trâu, bò xây dựng mới chuồng trại đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường, trồng cây thức ăn chăn nuôi, được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại:

- Chăn nuôi trâu, bò vỗ béo quy mô ổn định trâu từ 10 con trở lên hoặc bò từ 15 con trở lên, được hỗ trợ 20.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.

- Nuôi nhốt bò chuyên thịt giống bò 3B, bò thịt chất lượng cao, quy mô ổn định từ 05 con trở lên, được hỗ trợ 15.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.

- Nuôi bò nái sinh sản chuyên phối tinh giống bò 3B, bò chất lượng cao, quy mô ổn định từ 05 con trở lên, được hỗ trợ 25.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.

b. Hỗ trợ tiền công phối giống bò Zêbu, bò chất lượng cao: 50.000 đồng/con bò có chữa.”

2. Điều kiện hỗ trợ:

2.1. Đối với chăn nuôi trâu, bò vỗ béo:

+ Số lượng: Tại thời điểm nghiệm thu phải có tối thiểu 10 con trâu hoặc 15 con bò 12 tháng tuổi trở lên / tổ chức, cá nhân.

+ Có ít nhất 2.000m² diện tích được trồng các loại cây làm thức ăn chăn nuôi (gồm: cỏ hòa thảo, cây họ đậu, sắn, khoai,...).

+ Chuồng trại: Được xây kiên cố, đảm bảo diện tích chuồng $\geq 3\text{m}^2/\text{con}$; đảm bảo tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường (biogas hoặc hố ủ phân có mái che, hệ thống thu gom xử lý nước rỉ phân, hố lắng rỉ phân).

+ Quản lý và hình thức nuôi: Trâu, bò phải có dây mũi hoặc dây khâu để có thể dắt đi dễ dàng; nuôi nhốt hoàn toàn hoặc bán chăn thả. Không hỗ trợ chăn nuôi theo hình thức thả rông.

2.2. Đối với nuôi nhốt bò chuyên thịt giống bò 3B, nuôi bò nái sinh sản chuyên phối tinh giống bò 3B, bò chất lượng cao:

+ Chuồng trại: Được xây kiên cố, đối với nuôi bò nái diện tích chuồng $\geq 3\text{m}^2/\text{con}$, bò thịt $\geq 2,5\text{m}^2/\text{con}$; đảm bảo tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường (biogas hoặc hố ủ phân có mái che, hệ thống thu gom xử lý nước rỉ phân, hố lắng rỉ phân).

+ Số lượng: Tại thời điểm nghiệm thu đối với nuôi bò thịt 3B, hoặc giống bò lai nuôi thịt chất lượng cao phải có tối thiểu 05 con từ 12 tháng tuổi trở lên/tổ chức, cá nhân; đối với nuôi bò nái sinh sản phải có tối thiểu 05 con bò đạt tiêu chuẩn làm nái nèn và trọng lượng tối thiểu 280kg/con nái.

+ Có ít nhất 1.000m² diện tích được trồng các loại cây làm thức ăn chăn nuôi (gồm cỏ hòa thảo, cây họ đậu, sắn, khoai,...).

+ Quản lý và hình thức nuôi: Nuôi nhốt hoàn toàn hoặc bán chăn thả.

3. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

3.1. Chăn nuôi trâu, bò vỗ béo:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;

- Giấy chứng nhận tiêm vắc xin định kỳ gần nhất;
- Hồ sơ thủ tục về môi trường (cam kết bảo vệ môi trường);
- Biên bản nghiệm thu của xã;
- Biên bản nghiệm thu đề nghị hỗ trợ cấp huyện.

3.2. Đối với nuôi nhốt bò chuyên thịt giống bò 3B; nuôi bò nái sinh sản chuyên phối tinh giống bò 3B, bò chất lượng cao:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Hợp đồng, chứng từ, hoá đơn hợp pháp (nếu có) mua, bán bò của cơ sở chăn nuôi với người bán có xác nhận của UBND xã;
- Biên bản bình tuyển xác nhận đủ tiêu chuẩn bò nái nền của cơ quan chuyên môn cấp huyện; Cam kết thực hiện phối tinh giống bò 3B, bò chất lượng cao;
- Giấy chứng nhận tiêm vắc xin định kỳ gần nhất;
- Hồ sơ thủ tục về môi trường (cam kết bảo vệ môi trường);
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

3.3. Đối với hỗ trợ công thụ tinh nhân tạo:

Điều kiện và hồ sơ thực hiện theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định hướng dẫn trình tự, hồ sơ thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và cơ chế xây dựng nông thôn mới, đô thị tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 10. Hỗ trợ chăn nuôi gà, vịt thương phẩm

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.6, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “*a. Tổ chức, cá nhân nuôi gà liên kết với doanh nghiệp, quy mô tối thiểu 3.000 con (không tính gà dưới 30 ngày tuổi), được hỗ trợ kinh phí xây mới chuồng trại, với mức 30.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.*

b. Tổ chức, cá nhân nuôi gà, vịt thương phẩm, quy mô tối thiểu 2.000 con (không tính gà, vịt dưới 30 ngày tuổi), được hỗ trợ kinh phí xây mới chuồng trại, với mức 20.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân.”

2. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân xây mới chuồng trại nuôi gà, vịt thương phẩm, được hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành, đảm bảo xử lý chất thải trong chăn nuôi, bảo vệ môi trường và đi vào hoạt động; có cam kết duy trì sản xuất liên tục ít nhất 2 năm trở lên.

3. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

3.1. Nuôi gà liên kết, quy mô tối thiểu 3.000 con:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Hợp đồng liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp;
- Hồ sơ chuồng trại: Dự toán, hợp đồng xây dựng chuồng trại có xác nhận của UBND xã, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua bán vật tư lắp đặt các thiết bị chăn nuôi (nếu có);

- Giấy chứng nhận tiêm phòng;
- Hồ sơ thủ tục về môi trường;
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

3.2. Nuôi gà, vịt quy mô tối thiểu 2000 con:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Hồ sơ mua giống (nếu có);
- Giấy chứng nhận tiêm phòng;
- Hồ sơ thủ tục về môi trường;
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 11. Chính sách hỗ trợ nuôi ong

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 4.7, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: *“Tổ chức, cá nhân (có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện) nuôi ong lấy mật (giống ong nội), quy mô tối thiểu 10 thùng, được hỗ trợ kinh phí mua ong giống với mức 500.000 đồng/thùng, tối đa 20.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân”*.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của UBND xã; sổ hộ khẩu (bản phô tô);
- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua ong giống;
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 12. Hỗ trợ nuôi thâm canh thủy sản mặn, lợ

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4.8, Điều 4, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “*Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp ao nuôi với kết cấu bờ ao được vữa bằng hỗn hợp bột đá - xi măng, thực hiện nuôi thâm canh, có quy mô liền vùng, liền ao tối thiểu 0,5 ha/tổ chức, cá nhân, được hỗ trợ kinh phí vữa cứng bờ ao, mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha, tối đa 100.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân*”.

2. Điều kiện hỗ trợ:

- Xây dựng mới ao nuôi thủy sản thâm canh hoặc nâng cấp ao nuôi với kết cấu bờ ao vữa bằng hỗn hợp bột đá, xi măng (kết cấu bằng bê tông không thép) Mác từ M200 – M250; độ dày của bờ phải đạt tối thiểu 7 cm; chiều cao mái bờ (tính từ đáy ao lên mặt bờ) tối thiểu 1,2 m; có quy mô liền vùng, liền ao diện tích tối thiểu 0,5 ha.

- Hệ thống ao nuôi đảm bảo điều kiện kỹ thuật nuôi thâm canh.

3. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;

- Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Trường hợp tổ chức thực hiện: yêu cầu phải có hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; trường hợp cá nhân thực hiện: phải có bảng tổng hợp chi phí nhân công và vật liệu xây dựng.

- Giấy chứng nhận kiểm dịch con giống;

- Biên bản thả giống có xác nhận của UBND xã.

- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;

- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 13. Chính sách thưởng sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3-5 sao

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “*1. Thưởng đối với các sản phẩm tham gia lần đầu đạt chuẩn: Hạng 5 sao thưởng 50.000.000 đồng/sản phẩm, hạng 4 sao thưởng 40.000.000 đồng/sản phẩm, hạng 3 sao thưởng 30.000.000 đồng/sản phẩm.*

2. Thưởng đối với nâng cấp, phát triển sản phẩm OCOP: Từ hạng 3 sao lên 4 sao thưởng 20.000.000 đồng/sản phẩm; từ hạng 4 sao lên hạng 5 sao thưởng 30.000.000 đồng/sản phẩm”.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;

- Quyết định, giấy chứng nhận của tỉnh (bản phô tô công chứng);
- Phương án, dự toán xây dựng sản phẩm OCOP của chủ cơ sở đăng ký sản phẩm có xác nhận của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của UBND huyện.

Điều 14. Chính sách thưởng vườn mẫu đạt chuẩn

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “1. Hộ gia đình xây dựng vườn mẫu đạt chuẩn các tiêu chí theo quy định tiêu chí vườn mẫu của UBND tỉnh, được Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện nghiệm thu, xác nhận, ngoài chính sách thưởng của tỉnh, được huyện thưởng theo kết quả đầu ra, với mức 3.000.000 đồng/vườn.

2. Hộ gia đình xây dựng vườn mẫu đạt chuẩn các tiêu chí theo quy định tiêu chí vườn mẫu của UBND huyện, được Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện nghiệm thu, xác nhận, được hỗ trợ thưởng theo kết quả đầu ra, mức 5.000.000 đồng/vườn”.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

2.1. Vườn mẫu đạt chuẩn các tiêu chí cấp tỉnh:

Hồ sơ thực hiện theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định hướng dẫn trình tự, hồ sơ thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và cơ chế xây dựng nông thôn mới, đô thị tỉnh Hà Tĩnh.

2.2. Vườn mẫu đạt chuẩn các tiêu chí cấp huyện:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;
- Sơ đồ quy hoạch vườn mẫu có xác nhận của UBND xã;
- Phương án, quyết định phê duyệt phương án - dự toán xây dựng vườn mẫu;
- Biên bản nghiệm thu của UBND xã;
- Biên bản nghiệm thu của Văn phòng NTM;
- Quyết định công nhận vườn mẫu của UBND huyện.

Điều 15. Chính sách thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Nghị quyết số 105/NQ-HĐND: “1. Xã đạt chuẩn nông thôn mới được thưởng 1.000.000.000 đồng.

2. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được thưởng 1.000.000.000 đồng.
3. Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu được thưởng 1.500.000.000 đồng”.

2. Hồ sơ nghiệm thu hỗ trợ:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ của UBND xã;
- Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (hoặc xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu) của UBND tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- a) Chủ trì ban hành văn bản thẩm định các phương án sản xuất và hướng dẫn về một số quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành được nêu tại Quy định này;
- b) Hằng năm, lập kế hoạch về khối lượng nhiệm vụ cụ thể, tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch, lập dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo hướng lồng ghép các nguồn vốn, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp;
- c) Chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch, Nội vụ tham mưu thành lập Đoàn công tác nghiệm thu theo từng năm; phối hợp với Phòng TC-KH tham mưu phê duyệt hỗ trợ cho các đối tượng, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động các mô hình; tổng hợp báo cáo UBND huyện, các sở, ngành liên quan.
- d) Tổng hợp kết quả nghiệm thu, tham mưu UBND huyện phê duyệt đối tượng, kinh phí hỗ trợ; tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch:

- a) Chủ trì, phối hợp với Phòng NN&PTNT tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện bố trí kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách huyện hàng năm; tham mưu UBND huyện cấp kinh phí thực hiện chính sách.
- b) Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các xã sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo Quy định hiện hành; thực hiện kiểm tra, thanh tra kết quả hỗ trợ nếu cần thiết.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- a) Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, tổ chức, cá nhân thực hiện các chính sách về đất đai và bảo vệ môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và chính quyền các cấp hướng dẫn, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

4. Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới huyện:

a) Lập kế hoạch thực hiện chính sách các nội dung vườn mẫu, OCOP và xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách có hiệu quả, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tham gia nghiệm thu,...

5. Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi huyện:

- Trực tiếp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các xã, tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách có hiệu quả;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra trong quá trình thực hiện chính sách, bố trí cán bộ tham gia các đoàn công tác của huyện chỉ đạo, kiểm tra, nghiệm thu các mô hình để hỗ trợ theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các xã:

a) Chủ động tuyên truyền gắn với vận động tổ chức, cá nhân tích cực phát triển sản xuất và thực hiện chính sách theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về xây dựng kế hoạch, phương án vùng sản xuất, kiểm tra, nghiệm thu cho các đối tượng tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân theo quy định; báo cáo UBND huyện (qua Phòng NN&PTNT, Phòng TC-KH);

c) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất, giải quyết nhanh các thủ tục hành chính cho các đối tượng trong quá trình lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách theo đúng quy định;

d) Quản lý, thanh quyết toán nguồn kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm theo đúng quy định;

e) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở xã, trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách phải báo cáo UBND huyện để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định;

h) Định kỳ hàng quý, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các mô hình phát triển sản xuất về UBND cấp huyện;

g) Được trích kinh phí từ ngân sách xã để triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức nghiệm thu chính sách bằng 2% tổng số tiền được hỗ trợ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm.

7. Trách nhiệm của người sản xuất:

Căn cứ vào Quy định này để đăng ký xây dựng mô hình, kê khai trung thực theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; trường hợp sử dụng sai mục đích phải nộp lại kinh phí đã thực hiện cho UBND xã.

8. Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Truyền thông, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện:

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng Quy định này để các xã, đơn vị, gia đình, cá nhân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo bằng văn bản về Phòng NN&PTNT để tổng hợp, phối hợp với Phòng TC-KH và cơ quan liên quan thống nhất tham mưu UBND huyện xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN